

Số: 290 /BC-UBND

*Quảng An, ngày 04 tháng 06 năm 2021*

## **BÁO CÁO**

### **Công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021**

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1. Về kế hoạch CCHC**

- UBND xã đã ban Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2021 về triển khai công tác cải cách hành chính năm 2021, trong đó xác định 18 nhiệm vụ trọng tâm trong 7 lĩnh vực của công tác cải cách hành chính. Trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện 6 nhiệm vụ, còn các nhiệm vụ khác sẽ được thực hiện trong 6 tháng còn lại. UBND xã đã phân định trách nhiệm và thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ đối với các bộ phận cụ thể. Nhìn chung công tác CCHC đã được triển khai thực hiện khá nghiêm túc và hoàn thành cơ bản những nhiệm vụ đã đề ra trong 6 tháng đầu năm theo kế hoạch.

##### **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC**

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về triển khai công tác Cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2021 của UBND xã về triển khai công tác cải cách hành chính năm 2021 và các kế hoạch khác liên quan đến công tác cải cách hành chính.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND xã, công khai các trình tự, thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, các biểu mẫu và các loại phí, lệ phí có liên quan. Đơn giản hoá thủ tục hành chính để thuận lợi cho tổ chức và công dân khi đến giao dịch công việc.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; tích cực tuyên truyền cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã; tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan.

- Thường xuyên chấn chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động công vụ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của tổ chức và công dân cũng được chú trọng chỉ đạo thực hiện.

##### **3. Về kiểm tra CCHC**

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 19/01/2021 về kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện Ý kiến chỉ đạo năm 2021, dự kiến tiến hành kiểm tra vào tháng 7/2021.

- Ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 03/2/2021 về kiểm tra công vụ, kỷ cương, kỷ luật hành chính.

#### **4. Về công tác tuyên truyền CCHC**

- Thực hiện Kế hoạch số 475/KH-UBND ngày 15/12/2020 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021. UBND xã đã thường xuyên chỉ đạo bộ phận Văn hóa và Thông tin huyện phối hợp với các bộ phận liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chương trình cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của xã. Theo đó tập trung tuyên truyền về nhiệm vụ CCHC trên đài truyền thanh, cổng thông tin điện tử của xã, trong các cuộc hội nghị, họp...

- Chỉ đạo ban biên tập cổng thông tin điện tử xã duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục cải cách hành chính, vận động sử dụng các kênh thông tin, truyền thông khác để tuyên truyền công tác cải cách hành chính.

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, Ủy ban ban nhân dân xã đã đăng tải 65 tin, bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (<https://quangan.thuathienhue.gov.vn>).

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 25/01/2021 về xây dựng, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2021. Chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp các ngành liên quan chủ động tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính thông thường để trình HĐND-UBND quyết định. Nhìn chung công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND xã được thực hiện chắc chắn, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành VBQPPL. Trong 6 tháng đầu năm 2021 việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, Hội đồng Nhân dân xã đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 01/02/2021 Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã Quảng An năm 2021 và Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 01/02/2021 hòa giải ở cơ sở. Theo Kế hoạch trong năm 2021 UBND xã sẽ tiến hành phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó để thích ứng với tình hình dịch bệnh như hiện nay, Kế hoạch đã xác định sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành VBQPPL, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 19/01/2021 về kiểm tra văn bản QPPL năm 2021. Bộ phận Tư pháp đã phối hợp với các bộ phận liên quan tiến hành rà soát, thẩm định Nghị quyết do HĐND xã ban hành. Trong 6 tháng đầu năm, đã kiểm tra, rà soát 01 văn bản quy phạm pháp luật và nhiều văn bản hành chính khác, qua rà soát cho thấy, các văn bản được ban hành đều đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện khá đảm bảo, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 01/02/2021 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã năm 2021. Các văn bản quy phạm pháp luật do các cấp ban hành đã được triển khai và áp dụng đầy đủ trên địa bàn.

## **2. Cải cách TTHC**

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 499/KH-UBND ngày 31/12/2020 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 01/02/2021 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các nội dung năm trong kế hoạch theo đúng tiến độ và thời gian đề ra.

- Tiến hành niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã trên trang thông tin điện tử xã, niêm yết tại nơi giải quyết TTHC, đồng thời khuyến khích tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng khác; cập nhật, cấu hình điện tử các TTHC trên phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung; chỉ đạo đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thông qua phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung, công khai đầy đủ các khoản phí, lệ phí, lập các biểu bảng, sổ theo dõi để cập nhật, bổ sung việc công khai các danh mục TTHC mới đảm bảo việc giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh.

- Trong 6 tháng đầu năm, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã đã tiếp nhận 1279 thủ tục hành chính, trong đó giải quyết trước hạn, đúng hạn là 1274 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 99,6%), giải quyết quá hạn là 4 hồ sơ ; đang giải quyết 05 hồ sơ trong hạn; 100% hồ sơ đã được số hóa đầu vào và đầu ra; Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả hiện đại xã đã thực hiện khá nghiêm túc việc khảo sát, lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân đối với việc giải quyết TTHC của cán bộ, công chức, cụ thể đã khảo sát 1173 phiếu, đạt tỉ lệ 92,1 %, trong đó có 1170 phiếu đạt 100 điểm.

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể UBND xã đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại trên trang thông tin điện tử của xã để tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong 6 tháng đầu năm, UBND xã không nhận được bất cứ phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/04/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; đảm bảo sử dụng biên chế tại UBND xã không vượt quá so với tổng số biên chế được giao.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo hợp lý, khoa học, tinh gọn hoạt động có hiệu quả. Ban hành quyết định củng cố, kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại. Đổi mới quy trình, lề lối làm việc để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của công dân, tổ chức.

### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

- Tiếp tục quan tâm cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của cấp trên để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực giải quyết công việc.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 31/12/2020 về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Điền, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

- Thực hiện Công văn số 227/UBND 23/02/2021 chấm điểm, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 đã hướng dẫn cán bộ, công chức tiến hành đánh giá cán bộ, công chức đảm bảo đúng quy định.

- Việc thực hiện chế độ, chính sách về tiền lương và các chế độ khác liên quan được quan tâm, thực hiện đúng quy định của pháp luật: Thẩm định, trình Phòng Nội vụ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước hạn cho cán bộ, công chức xã.

### **5. Cải cách tài chính công**

Thực hiện cơ chế tự chủ theo nghị định 130/2005/NĐ-CP về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và tài sản công, cơ chế tài chính cho các loại hình tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước; Đầu năm xây dựng dự toán ngân sách trình HĐND xã thông qua, bao gồm kinh phí hoạt động và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính, khối Đảng, Mặt Trận, các đoàn thể chính trị... đã giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức, hoạt động bộ máy, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đảm bảo chi tiêu hợp lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện tốt hơn quy chế dân chủ ở cơ quan đơn vị, đồng thời UBND xã luôn quan tâm đến chế độ, chính sách của cán bộ, công chức một cách công khai, minh bạch, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức; thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan.

Đã triển khai tốt các chính sách thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công, chính sách an sinh xã hội tại cơ quan.

### **6. Hiện đại hóa hành chính**

#### **a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan ngày càng được quan tâm. Đã ban hành Kế hoạch số 474/KH-UBND ngày 15/12/2020 về Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn xã năm 2021; tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các phần mềm dùng chung của UBND tỉnh, sử dụng mail công vụ của cơ quan, cá nhân, dùng chứng thư số và sử dụng các phần mềm chuyên ngành khác; tiếp tục duy trì hoạt động của hệ thống Website xã nhằm cung cấp thông tin, công khai các TTHC.

#### **b) Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan, đơn vị**

- Đã ban hành các văn bản để duy trì, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của UBND xã, một số văn bản cụ thể như: Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 29/01/2021 về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng An năm 2021; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 ban hành mục tiêu chất lượng năm 2021; Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 phê duyệt Kế hoạch đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại UBND xã năm 2021.

## **III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

## **1. Khó khăn, hạn chế**

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy vậy công tác cải cách hành chính tại UBND xã vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như:

- Phần lớn dân số ở vùng nông thôn, chưa tiếp cận với công nghệ thông tin nên tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 không phát sinh hồ sơ trực tuyến.

## **2. Kiến nghị, đề xuất**

- Hướng dẫn các công chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã để hỗ trợ người dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thông qua Cổng dịch vụ công của tỉnh và việc thanh toán trực tuyến thông qua thẻ điện tử tích hợp trong phần mềm Hue-S của UBND tỉnh hoặc các tiện ích thanh toán khác.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC QUÝ III/2021**

1. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Chỉ thị thực hiện các giải pháp đề nâng cao chỉ số cải cách hành chính và các chỉ số thành phần. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức

2. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND và UBND ban hành để khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện các nhiệm vụ và theo yêu cầu của cấp trên.

3. Thực hiện tốt công tác kiểm soát, rà soát TTHC, kịp thời phát hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền bãi bỏ các loại giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết một số TTHC để cắt giảm các chi phí không cần thiết trong quá trình giải quyết TTHC của người dân, tổ chức, doanh nghiệp và thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến các quy định hành chính.

4. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính cũng như công khai hoá các thủ tục hành chính phải được thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử, cũng như trên đài truyền thanh xã.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của UBND tỉnh

6. Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hiện đại. Thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện nghiêm việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân. Triển khai thực hiện việc giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp ở mức độ 3 và mức độ 4.

7. Tập trung tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Quy chế văn hóa công sở nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót.

*Trên đây là Báo cáo cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ Quý III năm 2021 của UBND xã Quảng An./.*

***Nơi nhận:***

- Phòng Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Các cơ quan, ban ngành cấp xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Hải**

**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI**  
**CÁCH HÀNH CHÍNH UBND CÁC XÃ QUẢNG AN**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 290/BC-UBND ngày 4/6/2021 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC			Đã ban hành đúng thời gian
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	18	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	0	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC	Cơ quan, đơn vị		Đã ban hành
1.1.2.	Đảng ủy/HĐND xã/UBMTTQ Việt Nam xã/Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC của UBND xã	Cơ quan, đơn vị		Đã ban hành
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		Chưa kiểm tra, dự kiến Tháng 7/2021
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		Chưa kiểm tra, dự kiến Tháng 7/2021
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	nhưng quá hạn			
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1173	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
1.6.	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức			
1.6.1	Số PAKN đã giải quyết	Số PAKN	0	
1.6.2	Số PAKN chưa giải quyết		0	
1.7	Kế hoạch tuyên truyền CCHC			Đã ban hành
1.7.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
1.7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.7.3	Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện	Hình thức		Trang thông tin điện tử xã, đài truyền thanh xã, niêm yết tại cơ quan
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	01	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	01	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	01	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
2.6.	Xây dựng kế hoạch, báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL) và xử lý kết quả theo dõi THPL	Văn bản		Đã ban hành
2.7.	Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL ( <i>Thu thập thông tin về tình hình THPL; Kiểm tra tình hình THPL; Điều tra, khảo sát tình hình THPL</i> )	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Công khai TTHC và công khai tiến độ giải quyết hồ sơ			
3.1.1	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được công khai trên Trang thông tin điện tử			Đã công khai các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung tại trang thông tin điện tử xã
3.1.2	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai trên Trang thông tin điện tử và Bảng niêm yết tại Trụ sở		127	
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã		6 báo cáo tháng	Đã thực hiện
3.2.	Thống kê TTHC			
3.2.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.2.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	35	
3.2.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	lực			
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	127	
3.3.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.3.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	127	
3.3.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	81	
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.4.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
3.4.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	54	
3.4.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.4.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.5.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.5.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.5.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.5.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,6	
3.5.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).			
3.5.6.	Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm/Tổng số Hồ sơ cần thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC			
3.6.	Vận hành Công dịch vụ công			
3.6.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	127	
3.6.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	81	
3.6.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.6.4.	Số TTHC đã đồng bộ, cấu hình quy trình giải quyết	Thủ tục	127	
3.6.5.	Hồ sơ TTHC được số hóa vào phần mềm (đảm bảo cả đầu vào và đầu ra)		100	
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy		22 cán bộ, công chức	
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công	Cơ quan,		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	lập trên địa bàn huyện	đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	23	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyên thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	UBND huyện bị kỷ luật.			
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Đơn vị		
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		



STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	19	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	62	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	0	